

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Ngày: 22/12/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản
khi ly hôn”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triều Vĩnh Thái;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Ánh Dương; Bà Hà Thi Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà:
Bà Nông Thị Mới.

Ngày 22/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2023 về việc: “*Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đặng Quốc T, sinh năm 1969. ĐKHKT: Thôn E, xã K, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1972. ĐKHKT: Thôn E, xã K, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vương Ngọc L. Địa chỉ: Số 072, đường T, phường D, thành phố L, tỉnh L - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật:
Ông Dương Quyết T - Chức vụ Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Đặng Anh V, Phó giám đốc phòng giao dịch V - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1968 - Vắng mặt.

+ Bà Hoa Thi D, sinh năm 1997 - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn E, xã K, huyện V, L.

+ Ông Hà Phúc L, sinh năm 1956 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn É, xã K, huyện V, Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Đặng Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông có tự nguyện đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị N vào cuối năm 1991 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh L. Ông và bà N có được ký vào tờ giấy đăng ký hôn, sau đó UBND xã K đóng dấu và giao cho vợ chồng ông 01 bản đăng ký kết hôn. Nhưng hiện giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc, vì vậy ông đã xin xác nhận của người trực tiếp đăng ký kết hôn cho vợ chồng ông là ông Hà Phúc L, sinh năm 1965, lúc đó ông Hà Phúc L là phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện V.

Đến đầu năm 2019, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Đến cuối năm 2019, vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng sống ly thân, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai nữa cả về tình cảm cũng như về kinh tế. Bản thân ông cũng mong muốn vợ chồng cùng thay đổi để dung hòa không khí gia đình cùng làm ăn nuôi dạy con cái, nhưng bà N ngày càng có lời nói, hành động bạo hành tinh thần ông. Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung: Cháu thứ nhất là Đặng Thu H, sinh ngày 30/11/1993; Cháu thứ hai là Đặng Công T, sinh ngày 05/3/1998, các cháu đã trưởng thành, đều phát triển khỏe mạnh bình thường có khả năng lao động nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ chung: Ông T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Giao cho ông Đặng Quốc T được quản lý, sử dụng khối tài sản gồm: Diện tích đất 399,6 m² đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00428 ngày 15/6/2012 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N; Cùng các tài sản có trên đất; Diện tích 9373,2 m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00427 ngày 15/6/2012 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N. Cùng các tài sản có trên đất;

- Giao cho bà Nguyễn Thị N được quản lý sử dụng khối tài sản gồm: Diện tích đất 159,8 m² đất ở nông thôn, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02604 ngày 29/8/2022 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N; Đất hiện nay đang để trống.

* *Về vay nợ chung:* Ông Đặng Quốc T nhận chịu thanh toán toàn bộ khoản nợ gồm: Số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vay của Ngân hàng chính sách xã hội V;

Ông Đặng Quốc T nhận chịu thanh toán toàn bộ 205.000.000đ (Hai trăm linh năm triệu đồng) vay của ông Nguyễn Xuân K.

Đến ngày 07/9/2023, ông Đặng Quốc T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Quốc T có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, có được ký vào tờ giấy đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc.

Việc ông T trình bày cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bà bạo hành tinh thần ông, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 là không đúng. Bà xác định chỉ có mâu thuẫn với gia đình ông T, nguyên nhân bắt nguồn từ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà với em ruột ông T là vợ chồng anh chị N, H. Năm 2022, do bà bị ốm không đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp đất đai nêu trên được nên khi ông T cùng anh, em nhà ông T đi tham dự phiên Tòa về (nhưng phiên tòa bị hoãn do vắng Bà) đến nhà thì ông T chửi mắng, đánh đập bà. Ông T đưa ra chứng cứ hai bên gia đình, thôn bản đã hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng là không đúng. Đến nay, vợ chồng vẫn sống chung với nhau, không xảy ra cãi, chửi nhau, vẫn sinh hoạt bình thường. Gần đây, mặc dù bà và con vẫn nấu cơm cho ông T ăn nhưng ông T tự ý xa lánh vợ con, không ăn cơm nhà mà xuống nhà Mẹ để ăn cơm. Đến nay bà cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, nên cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T.

Về tài sản, vay nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Xuân K trình bày: Do ông T đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và vay nợ chung của vợ chồng. Nên đến nay ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền 205.000.000đ nữa, khi nào ông yêu cầu sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V trình bày: Do ông T đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và vay nợ chung của vợ chồng. Hiện nay hộ gia đình ông T vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng chưa yêu cầu hộ gia đình ông T thực hiện trả nợ trước thời hạn. Khi nào gia đình ông T vi phạm hợp đồng Ngân hàng sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên Tòa:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn thay đổi ý kiến về quan hệ hôn nhân, bị đơn đến nay xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn, nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra các vấn đề khác bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 217, 218, 219, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Quốc T:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc T về chia tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng.

- Về án phí: Ông Đặng Quốc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về Tố tụng*: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo ông Đặng Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn với bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Thôn E, xã K, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T và bà N đều xác nhận có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã K, huyện V nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Ông T đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã K cấp trích lục kết hôn nhưng UBND xã trả lời không còn lưu hồ sơ, sổ sách nên không xác nhận và cấp trích lục việc đăng ký kết hôn cho ông T, bà N được. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành xác minh tại UBND xã K, huyện V kết quả xác minh: Từ năm 1999 trở về trước, toàn bộ hồ sơ về đăng ký kết hôn của các công dân trên địa bàn đều không được lưu trữ tại UBND xã K.

Ngoài ra Ông T cung cấp xác nhận của ông Hà Phúc L - Nguyên phó chủ tịch UBND xã K xác nhận ông L là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho ông T, bà N vào năm 1991. Tại xác nhận thông tin về cư trú của công an xã K ngày 29/5/2023 cũng xác nhận: Ông Đặng Quốc T là chủ hộ và vợ là bà Nguyễn Thị N; Lý lịch đảng viên cũng ghi ông T là chồng bà N. Tại các giấy khai sinh của cháu Đặng Thu H và Đặng Công T đều xác định ông T là cha đẻ, bà N là mẹ đẻ của các cháu; Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều ghi người có quyền sử dụng đất là ông T, bà N.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu liên quan khác để xác định: Ông Đặng Quốc T và Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V và hôn nhân giữa ông Đặng Quốc T và Nguyễn Thị N là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng: Các bên đương sự đều trình bày thống nhất với nhau rằng năm 2019 bà N khởi kiện tranh chấp đất đai với vợ chồng anh chị N, H (là em trai ruột ông T), buộc vợ chồng anh chị N, H phải trả lại đất cho vợ chồng bà N, ông T. Tuy nhiên ông T phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Nguyệt và đồng ý với ý kiến của vợ chồng anh chị Ngân, Hồi. Điều này dẫn đến vợ chồng ông bà đã xảy ra mâu thuẫn; Năm 2022, khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án nêu trên thì bà N vắng mặt dẫn đến hoãn phiên tòa, vì vậy khi về nhà thì giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra đánh, cãi, chửi nhau, xúc phạm nhau, sự việc đó đã được tổ hòa giải của thôn lập biên bản. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả hai ông bà đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, ông T trình bày do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống; bà N lại cho rằng ông T không chăm lo cho vợ con mà chỉ lo vun vén cho gia đình bên nội. Phía nguyên đơn ông T vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N. Bà N xác định ông T nhiều lần có hành vi chửi bới, đánh đập bà, hiện nay đã xa lánh vợ con tự ý không ăn cơm cùng gia đình, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, tại phiên tòa bà N cũng nhất trí ly hôn với ông T.

Như vậy hôn nhân giữa ông T và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N.

Đối với việc ông T giao nộp cho Tòa án xác nhận của tổ hòa giải thôn gồm các ông Nguyễn Trường T, Hoa Thị D, Sầm Cao Đ...và đại diện gia đình ông Đặng Quang H, bà Đặng Thị T, ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị L có nội dung: Tổ hòa giải thôn và gia đình hai bên đã đến hòa giải nhiều lần mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N nhưng không thành. Về nội dung này, bà N phản đối và cho rằng không có sự việc đã tiến hành hòa giải, mà do ông T tự xin chữ ký xác nhận của những người có tên nêu trên, việc ký xác nhận là ký khống. Hội đồng xét xử xét thấy: Những chứng cứ khác và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cũng đủ căn cứ để Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn giữa các đương sự. Vì vậy, Tòa án thấy rằng không cần thiết phải tiến hành xác minh tính xác thực của biên bản và không cần thiết sử dụng biên bản này làm chứng cứ khi giải quyết vụ án.

[3] *Về con chung*: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết do các con của ông bà đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.

[4] *Về tài sản, vay nợ chung*:

Nguyên đơn ông Đặng Quốc T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về nội dung chia tài sản, vay nợ chung khi ly hôn; bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập; các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản, vay nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông T.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn ông Đặng Quốc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn về hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 4 Điều 147; các Điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Quốc T:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị N.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc T về nội dung: Chia tài sản chung đối với: Diện tích đất 399,6 m² đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00428 ngày 15/6/2012 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N và tài sản gắn liền trên đất; Diện tích 9373,2 m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00427 ngày 15/6/2012 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N và các tài sản gắn liền trên đất; Diện tích đất 159,8 m² đất ở nông thôn, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02604 ngày 29/8/2022 mang tên Đặng Quốc T, Nguyễn Thị N, đất hiện nay đang để trống.

Chia vay nợ đối với: Số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) vay của Ngân hàng chính sách xã hội V; số tiền 205.000.000đ (*hai trăm linh năm triệu đồng*) vay của ông Nguyễn Xuân K.

Đương sự có quyền khởi kiện lại trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Đặng Quốc T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.575.000đ (*hai mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai ký hiệu: AC-21P số: 0004472 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Ông Đặng Quốc T được trả lại 25.275.000đ (*hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và

Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Vĩnh Thái